

Số: 80/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 925/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 923/BC-BVHXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục

thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập (sau đây gọi chung là trẻ em, học sinh, học viên tại các cơ sở giáo dục công lập) có hoàn cảnh đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Mồ côi cả cha và mẹ; mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong;
- b) Là người khuyết tật;
- c) Có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà, người nuôi dưỡng (trong trường hợp ở với ông bà, người nuôi dưỡng) là thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo địa phương.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho trẻ em, học sinh, học viên tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, cụ thể như sau:

- a) Hỗ trợ bữa ăn trưa theo mức thực tế phát sinh tại cơ sở giáo dục, tối đa không vượt quá 40.000 đồng/học sinh/ngày;
- b) Hỗ trợ chi phí các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo mức thực tế phát sinh tại cơ sở giáo dục, tối đa không vượt quá mức quy định tại Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này;
- c) Hỗ trợ chi phí các nội dung khác theo chương trình của nhà trường ngoài giờ học chính khóa theo mức thực tế phát sinh tại cơ sở giáo dục, tối đa không vượt quá mức quy định tại Phụ lục II đính kèm Nghị quyết này;
- d) Hỗ trợ tiền mua đồng phục với mức cụ thể theo cấp học: mầm non 300.000 đồng/trẻ em/năm học; tiểu học 400.000 đồng/học sinh/năm học; trung học cơ sở 450.000 đồng/học sinh/năm học; trung học phổ thông 500.000 đồng/học sinh/năm học. Đối với năm học 2025 - 2026 hỗ trợ tiền mua đồng phục với mức 50% mức hỗ trợ như trên;

e) Trường hợp nhà trường không tổ chức các nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c Điều này thì không thực hiện hỗ trợ.

2. Hỗ trợ bữa ăn trưa được tính theo số ngày ăn thực tế trong khung thời gian năm học quy định. Các nội dung hỗ trợ khác theo thời gian học thực tế của học sinh tại cơ sở giáo dục và không quá 9 tháng/năm học.

3. Trường hợp đối tượng áp dụng của Nghị quyết này đồng thời đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ nội dung chi tương tự tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc xem xét, quyết định hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15);

b) Trường hợp mức hỗ trợ tại Nghị quyết này là cao hơn thì đối tượng áp dụng được hưởng thêm mức hỗ trợ bằng phần chênh lệch giữa mức chi của Nghị quyết này với mức chi của văn bản được áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (Ban VHXH - Ng).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Phụ lục I

Quy định nội dung và mức hỗ trợ chi phí các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ tối đa đối với nhóm 1				Mức hỗ trợ tối đa đối với nhóm 2			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Tổ dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	550,000	350,000	300,000	250,000	500,000	320,000	280,000	230,000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	220,000	60,000			200,000	50,000		
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao	đồng/học sinh/giờ	12,000				11,000			
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày	128,000				120,000			
5	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	50,000	45,000	35,000	35,000	50,000	45,000	35,000	35,000
6	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thu	đồng/học sinh/tháng	110,000	110,000	95,000	95,000	100,000	100,000	90,000	90,000
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000

Ghi chú:

- Phân loại nhóm: + Nhóm 1: trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.
+ Nhóm 2: trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, đặc khu.
- Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục chuyên biệt: Áp dụng mức hỗ trợ tương đương với mức thu của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giải thích từ ngữ: tiện dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...

Phụ lục II

Quy định nội dung và mức hỗ trợ chi phí các nội dung khác theo chương trình của nhà trường ngoài giờ học chính khóa cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND)

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ tối đa đối với nhóm 1				Mức hỗ trợ tối đa đối với nhóm 2			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	320,000	320,000	300,000	300,000	250,000	250,000	260,000	260,000
2	Tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	120,000	120,000	120,000	120,000	100,000	100,000	100,000	100,000
3	Tổ chức học bơi và kỹ năng phòng chống đuối nước	đồng/học sinh/khóa/năm học		300,000	300,000	300,000		300,000	300,000	300,000

Ghi chú:

- Phân loại nhóm: + Nhóm 1: trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường.
+ Nhóm 2: trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã, đặc khu.
- Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục chuyên biệt: Áp dụng mức hỗ trợ tương đương với mức thu của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.